

Bản án số: 245/2020/HS-ST
Ngày 30- 6- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 24 và 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 189/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 145/2020/HSST-QĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1990 tại tỉnh Tiền Giang; thường trú: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1943 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1948; có vợ tên Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1990 đã ly hôn và có 01 con, sinh năm 2012; tiền án, tiền: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/02/2020 đến ngày 25/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Quốc P, sinh năm 1989, tại tỉnh Đồng Nai; thường trú: khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn T, đã chết và bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1954; có vợ tên Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1989 và 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/02/2020 đến ngày 25/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Trương Văn C, sinh năm 1981; thường trú: khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con Trương Văn Đ, đã chết và bà Lê Thị H, đã chết; có chị sinh năm 1979; có vợ tên Lê Thị C, sinh năm 1982; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14/05/2001 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử

phúc thẩm 02 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/06/2003; bị tạm giữ từ ngày 16/02/2020 đến ngày 25/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Quốc V, sinh năm 1977, tại tỉnh Trà Vinh; thường trú: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1953; có 04 anh chị em ruột, lớn sinh năm 1971, nhỏ sinh năm 1983; có vợ tên Huỳnh Thị Diệu H, sinh năm 1981; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam ngày 16/02/2020, có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Văn N, sinh năm 1969, tại tỉnh Khánh Hòa; thường trú: đường B, khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn T, đã chết và bà Huỳnh Thị L, không rõ năm sinh; có 07 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1962, nhỏ nhất sinh năm không rõ; có vợ tên Lê Thị H, sinh năm 1972; có 03 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/02/2020 đến ngày 25/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Tuấn A (tên gọi khác T), sinh năm 1982, tại tỉnh Bình Dương; thường trú: khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1961; có vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 16/02/2020 đến ngày 25/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

7. Lê Văn H, sinh năm 1986, tại tỉnh Bình Dương; thường trú: khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nhân viên tiếp thị; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn D, sinh năm 1958 và bà Phan Thị T, sinh năm 1958; có vợ tên Huỳnh Lê Lan Như N, sinh năm 1986, có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016; có 02 em, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/02/2020 đến ngày 25/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- *Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc Việt*: Luật sư Ngô Nhung- Trưởng văn phòng luật sư Ngô Nhung - Đoàn luật sư tỉnh Bình Dương; có mặt khi xét xử; vắng mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ, ngày 16/02/2020, Nguyễn Hoàng T, Lê Văn H, Nguyễn Tuấn A và một đối tượng (chưa rõ nhân thân lai lịch) đem theo con gà bông đi

đến khu nghĩa trang thuộc tổ 2, khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương để đá gà ăn tiền với con gà điều của nhóm Lê Văn N, Trương Văn C, Nguyễn Quốc V và tên B cùng nhóm đối tượng khác chưa rõ nhân thân lai lịch. Khi hai nhóm gặp nhau ở khu nghĩa trang thì Lê Quốc P đứng ra làm trọng tài. Tại đây nhóm của T cấp độ với nhóm của C đá đồng 01 trận với số tiền 7.000.000 đồng (mỗi bên 7.000.000 đồng) do hai con gà đều có số kg bằng nhau (2,4kg). Tên B băng cựa thả gà đá cho nhóm C, còn đối tượng không rõ lai lịch băng cựa gà và thả gà cho nhóm T. Nhóm của T, gồm: (T sử dụng 5.000.000 đồng, H sử dụng 500.000 đồng, A sử dụng 1.000.000 đồng, đối tượng không rõ lai lịch 500.000 đồng). Nhóm của Trương Văn C, gồm: (C sử dụng 1.000.000 đồng, V sử dụng 1.000.000 đồng, N sử dụng 500.000 đồng, tên B sử dụng 2.000.000 đồng, nhóm đối tượng không rõ lai lịch sử dụng 2.500.000 đồng). Hai bên cân gà xong thì thả gà ra đá được khoảng 01 phút thì con gà điều bên nhóm C bị thua. V nhận tiền của các con bạc đưa cho P 7.000.000 đồng, P đưa cho T 5.700.000 đồng lấy 300.000 đồng tiền công làm trọng tài, còn 1.000.000 đồng P định đưa cho H và đối tượng không rõ lai lịch nhưng chưa kịp đưa thì bị đội cảnh sát hình sự Công an thành phố D đến bắt quả tang thu giữ 01 con gà điều đã chết, 01 cái cân loại 05kg, 04 cuộn băng keo dùng băng cựa gà, 02 cặp cựa sắt còn 01 con gà bông chạy mất. Tên B và nhóm đối tượng tham gia đá gà bỏ chạy trốn thoát.

Qua lời khai xác định:

1. Nguyễn Hoàng T: Mang theo số tiền 3.000.000 đồng, sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc T thắng đã nhận số tiền thắng cho cả nhóm 5.700.000 đồng, chưa kịp tính thắng thua với mọi người trong nhóm thì bị bắt quả tang, thu giữ trong người T 8.700.000 đồng.

2. Nguyễn Tuấn A: Mang theo số tiền 1.000.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc A thắng nhưng chưa nhận được tiền thắng thì bị bắt quả tang thu giữ của A số tiền 1.000.000 đồng.

3. Lê Văn à: Mang theo 3.000.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc. H thắng nhưng chưa nhận tiền thắng thì bị bắt quả tang thu giữ của H số tiền 3.000.000 đồng.

4. Nguyễn Quốc V: Mang theo số tiền 4.600.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc. V bị thua 1.000.000 đồng. V đã nhận tiền của cả nhóm là 7.000.000 đồng đưa cho P để P “chung” cho nhóm T thắng, thu giữ của V số tiền 3.600.000 đồng.

5. Trương Văn C: Mang theo 4.000.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng đánh bạc. C bị thua 1.000.000 đồng và đã đưa tiền này cho V, bắt quả tang thu giữ của C số tiền 3.000.000 đồng.

6. Lê Văn N: Mang theo 800.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng đánh bạc. N bị thua 500.000 đồng và đã đưa tiền này cho V, bắt quả tang thu giữ của N số tiền 300.000 đồng.

7. Lê Quốc P: Làm trọng tài cho hai bên thả gà ra đá, P thu tiền công cứ 1.000.000 đồng P lấy 50.000 đồng. P đã nhận số tiền từ V 7.000.000 đồng từ V để “chung” cho bên thắng nhưng Phi mới đưa cho Thuấn 5.700.000 đồng; lực lượng Công an vào bắt, P bỏ chạy làm rơi mất số tiền 1.300.000 đồng, hiện không thu hồi được.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bài là: 14.000.000 đồng.

Số tiền các bị cáo dùng đánh bạc thu được thực tế 10.200.000 đồng.

Đối với 01 con gà điều, đã tiêu hủy.

Đối với số tiền 2.500.000 đồng của Lê Văn H, 3.600.000 đồng của Lê Quốc V, 300.000 đồng của bị cáo Lê Văn N, 3.000.000 đồng của Trương Văn C không dùng để đánh bạc, đã trả lại.

Đối với tên B và nhóm đối tượng tham gia chơi đá gà cùng các bị cáo, hiện chưa rõ nhân thân lai lịch, tiếp tục điều tra khi nào bắt được xử lý sau.

Bản Cáo trạng số 217/QĐ-VKS-DA ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Lê văn H, Nguyễn Tuấn A, Lê Văn N, Trương Văn C, Lê Quốc P và Nguyễn Quốc V về Tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt các bị cáo Nguyễn Hoàng T từ 14 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; Lê Quốc P từ 14 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; Lê văn H từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; Nguyễn Tuấn A từ 12 tháng đến 14 tháng cải tạo không giam giữ; Lê Văn N từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; Nguyễn Quốc V từ 13 tháng đến 14 tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt Trương Văn C từ 14 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 cái cân loại 05kg, 04 cuộn băng keo dùng băng cựa gà, 02 cặp cựa sắt.

Đề nghị tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 10.200.000 đồng;

Buộc bị cáo T giao nộp lại số tiền 2.000.000 đồng tiền dùng để đánh bạc sung vào ngân sách nhà nước.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc V: Ông Ngô Nhung đồng quan điểm với vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo V có điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định và là lao động chính trong gia đình; áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt nhẹ nhất đối với bị cáo V.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc tạm giữ các bị cáo sau đó thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú là đúng quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Khoảng 12 giờ, ngày 16/02/2020 tại khu nghĩa trang thuộc khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Lê Văn H, Nguyễn Tuấn A, Lê Văn N, Trương Văn C, Lê Quốc P và Nguyễn Quốc V cá độ đá gà với nhau, thắng thua bằng tiền. Hình thức đánh bạc là đá gà, tiền cá độ thắng thua với tổng số tiền 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng;

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Lê Văn H, Nguyễn Tuấn A, Lê Văn N, Trương Văn C và Nguyễn Quốc V; bị cáo Lê Quốc P làm trọng tài cho hai bên đá gà; đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó Cáo trạng số: 217/QĐ-VKS-DA ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm trật tự công cộng, trật tự xã hội. Về ý thức chủ quan, các bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì tham lam tư lợi các bị cáo đã cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo tham gia với vai trò đều là người thực hành.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có;

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo C không được hưởng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt thể hiện chưa có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

[8] Xét các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, đa số lần đầu phạm tội, nhất thời phạm tội, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian được tại ngoại luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và địa phương; xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ sức răn đe, giáo dục và cũng không làm ảnh hưởng đến tình hình đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Đồng thời do áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo nên cần hủy bỏ các lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên Hội đồng xét xử, xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Xét 05 cựa gà bằng sắt, 01 cái cần loại 05kg màu xanh, sim số 0939.766.829 các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc.

[11] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát, luật về tội danh, pháp luật áp dụng và mức hình phạt đối với các bị cáo, vấn đề xử lý vật chứng là hoàn toàn phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét vai trò của các bị cáo T, P trong vụ án là đứng ra khởi sự và thu và chi tiền thắng thua và bị cáo C nhân thân xấu, nên Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt cáo mức hình phạt mà Viện Kiểm sát đề nghị.

Xét đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo V về mức hình phạt, là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a, khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Lê Văn H, Nguyễn Tuấn A, Lê Văn N, Trương Văn C, Lê Quốc P và Nguyễn Quốc V phạm Tội đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

1.1- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 16/02/2020 đến ngày 25/02/2020 (09 ngày x 3 = 27 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo Nguyễn Hoàng T còn phải thi hành 17 (mười bảy) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Hoàng T cho UBND xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang nhận được bản án và quyết định thi hành án.

1.2- Xử phạt bị cáo Lê Quốc P 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 16/02/2020 đến ngày 25/02/2020 (09 ngày x 3 = 27 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo Lê Quốc P còn phải thi hành 17 (mười bảy) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lê Quốc P cho UBND phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường B nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

1.3- Xử phạt bị cáo Trương Văn C 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 16/02/2020 đến ngày 25/02/2020 (09 ngày x 3 = 27 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo Trương Văn C còn phải thi hành 17 (mười bảy) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Trương Văn C cho UBND phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường B nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

1.4- Xử phạt bị cáo Lê Văn H 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 16/02/2020 đến ngày 19/02/2020 (03 ngày x 3 = 09 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo Lê Văn H còn phải thi hành 13 (mười ba) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lê Văn H cho UBND phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường B nhận được bản án và quyết định thi hành án.

1.5- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giam 16/02/2020 đến ngày 25/02/2020 (09 ngày x 3 = 27 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo Nguyễn Tuấn A còn phải thi hành 13 (mười ba) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Tuấn A cho UBND phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường Đ nhận được bản án và quyết định thi hành án.

1.6- Xử phạt bị cáo Lê Văn N 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giam 16/02/2020 đến ngày 25/02/2020 (09 ngày x 3 = 27 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo Lê Văn N còn phải thi hành 13 (mười ba) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lê Văn N cho UBND phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường B nhận được bản án và quyết định thi hành án.

1.7- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc V 13 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ, được khấu trừ hết thời gian tạm giam từ ngày 16/02/2020 đến ngày 30/6/2020 (04 tháng 14 ngày x 3 = 13 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ).

Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Quốc V tại phiên tòa, nếu bị cáo không còn bị tạm giam, tạm giữ về tội phạm khác.

Hủy bỏ các lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cái cân loại 05kg, 04 cuộn băng keo dùng băng cựa gà, 02 cặp cựa sắt.

- Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 10.200.000 (mười triệu hai trăm ngàn) đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T giao nộp số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng sung ngân sách nhà nước.

(Theo Biên lai thu tiền 01524 và biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương, bút lục 240 và 241).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Lê văn H, Nguyễn Tuấn A, Lê Văn N, Trương Văn C, Lê Quốc P và Nguyễn Quốc V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo (02);
- VKSND tp D (01);
- Công an tp D (01);
- Trại tạm giam CA tỉnh BD (01);
- Chi cục THADS tp D (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD (01);
- UBND xã các bị cáo TT (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Quân